

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, XỬ LÝ KỶ LUẬT, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức; xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Người có thẩm quyền và trách nhiệm xử lý việc bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật và xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật và xử phạt vi phạm hành chính

1. Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ gây lãng phí, phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Chương II Nghị định này.

Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Hợp đồng lao động.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm cả cán bộ, công chức, viên chức không trong thi hành công vụ) có hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bị xử phạt vi phạm hành chính và phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Chương III Nghị định này.

Điều 4. Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Người có thẩm quyền xử lý việc bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính mà chậm trễ hoặc không tiến hành các thủ tục liên quan đến bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

Điều 5. Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính, tiền bồi thường thiệt hại

1. Việc quản lý và sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Nghị định số 124/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về biên lai thu tiền phạt và quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính.

2. Tiền bồi thường thiệt hại phải được thu đúng, thu đủ và được sử dụng để chi cho việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại, phần còn lại được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức bị thiệt hại hoặc ngân sách nhà nước.

Chương 2:

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Mục 1: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 6. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại

1. Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời.
2. Số tiền bồi thường thiệt hại được xác định trên cơ sở thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra.
3. Việc xét bồi thường phải được thực hiện công bằng, công khai, khách quan và chính xác.
4. Bồi thường được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam.

Điều 7. Xác định số tiền bồi thường thiệt hại

1. Đối với những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc dự toán được duyệt, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định căn cứ vào chênh lệch tính thành tiền giữa định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc dự toán được duyệt với thực tế thực hiện và chi phí khắc phục hậu quả.
2. Đối với các trường hợp khác, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định bằng chi phí thực tế do hành vi lãng phí gây ra và chi phí khắc phục hậu quả.

Điều 8. Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại

1. Trường hợp hành vi lãng phí do một người thực hiện thì người đó phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại.
2. Trường hợp hành vi lãng phí do từ hai người trở lên thực hiện thì những người đó phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường. Trách nhiệm bồi thường được xác định tương ứng với mức độ trách nhiệm và vi phạm của từng người; trường hợp không xác định được mức độ trách nhiệm và vi phạm của từng người thì trách nhiệm bồi thường được chia đều cho từng người.

Điều 9. Thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi xảy ra lãng phí có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.
2. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

Điều 10. Thành lập Hội đồng bồi thường thiệt hại

1. Trong vòng 30 ngày, kể từ khi phát hiện ra hành vi gây lãng phí, nếu thấy cần thiết người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường có thể thành lập Hội đồng bồi thường thiệt hại (dưới đây gọi là Hội đồng) để xem xét, giải quyết việc bồi thường thiệt hại.
2. Thành phần Hội đồng gồm:
 - a) Người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 9 Nghị định này làm Chủ tịch Hội đồng;
 - b) Đại diện lãnh đạo tổ chức công đoàn cùng cấp làm Ủy viên;
 - c) Người phụ trách bộ phận tài chính, kế toán làm Ủy viên;
 - d) Người phụ trách đơn vị trực tiếp của người phải bồi thường làm Ủy viên (nếu có);
 - đ) Một chuyên gia về kinh tế, kỹ thuật làm Ủy viên (nếu cần).
3. Không bố trí người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đang bị xem xét, xử lý bồi thường vào thành phần Hội đồng của vụ vi phạm đó.
4. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.
5. Chi phí cho việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại được tính vào chi phí khắc phục hậu quả quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Hội đồng

1. Chậm nhất sau 10 ngày, kể từ khi Hội đồng được thành lập, Chủ tịch Hội đồng phải tổ chức cuộc họp để xem xét việc bồi thường thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra.

2. Hội đồng có trách nhiệm xem xét và đưa ra kiến nghị về:

a) Hành vi vi phạm;

b) Đánh giá mức thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm gây ra;

c) Xác định trách nhiệm của từng cá nhân;

d) Kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường thiệt hại về số tiền và phương thức bồi thường thiệt hại cụ thể đối với từng cá nhân.

3. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày thành lập, Hội đồng phải có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền để ra quyết định về bồi thường thiệt hại đối với từng cá nhân gây ra lãng phí. Trường hợp phức tạp thì chậm nhất không quá 90 ngày, kể từ ngày thành lập, Hội đồng phải có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

4. Trường hợp sau khi đã quyết định về số tiền phải bồi thường mà phát hiện những tình tiết mới làm thay đổi lỗi, mức độ vi phạm và số tiền bồi thường thiệt hại đã kết luận trước đó thì người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định lại số tiền bồi thường.

Điều 12. Ra quyết định về bồi thường thiệt hại

1. Trường hợp có thành lập Hội đồng thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng, người có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Nghị định này phải ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

2. Trường hợp không thành lập Hội đồng thì trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm gây lãng phí, người có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Nghị định này phải ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

Điều 13. Thực hiện bồi thường

Người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại phải thực hiện bồi thường một lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định về bồi thường thiệt hại.

Trường hợp số tiền bồi thường lớn, không thể nộp một lần thì sau khi trừ phần đã nộp ngay, số tiền còn lại được trả dần trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày có quyết định về bồi thường thiệt hại.

Đối với người bị kỷ luật buộc thôi việc thì phải thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường trước khi bị thôi việc.

Điều 14. Giảm tiền bồi thường, tạm hoãn thực hiện bồi thường

1. Người gây lãng phí do lỗi vô ý có thể được xét giảm số tiền bồi thường nếu số tiền phải bồi thường quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của người đó.

2. Người có nghĩa vụ thực hiện bồi thường được tạm hoãn thực hiện bồi thường trong các trường hợp sau:

a) Đang điều trị tại các bệnh viện, phụ nữ trong thời kỳ nghỉ thai sản;

b) Gia đình đang trong hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận;

c) Đang bị tạm giam, tạm giữ chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh và kết luận về hành vi vi phạm pháp luật khác.

3. Thời gian tạm hoãn thực hiện bồi thường như sau:

a) Tối đa không quá 6 tháng đối với trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

b) Tối đa bằng thời gian tạm giam, tạm giữ đối với trường hợp nêu tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 15. Biện pháp đảm bảo thực hiện bồi thường

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý người có nghĩa vụ thực hiện bồi thường có trách nhiệm giám sát, đôn đốc việc thực hiện bồi thường.

2. Người chưa hoàn thành bồi thường mà xin chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi ra quyết định bồi thường thiệt hại có trách nhiệm yêu cầu người đó phải bồi thường phần còn thiếu trước khi chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu. Trường hợp, người đang thực hiện bồi thường chưa có điều kiện trả ngay phần còn thiếu, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi ra quyết định bồi thường thiệt hại phải phối hợp với cơ quan, tổ chức nơi tiếp nhận công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú để yêu cầu người đó tiếp tục thực hiện bồi thường.

3. Trường hợp, người có nghĩa vụ bồi thường cố tình trì hoãn, trốn tránh việc bồi thường thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi người có nghĩa vụ bồi thường cư trú để có biện pháp đảm bảo thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

Mục 2: XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 16. Đối tượng bị xử lý kỷ luật

1. Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003 (bao gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước, Kế toán trưởng, Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp) trong thi hành công vụ có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Cán bộ, công chức quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003 trong thi hành công vụ có hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 17. Căn cứ xác định hình thức kỷ luật

1. Tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.
2. Mức thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra.
3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình thức kỷ luật.

Điều 18. Hình thức xử lý kỷ luật và thẩm quyền xử lý kỷ luật

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này bị xử lý kỷ luật theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Hạ ngạch;
- đ) Cách chức;
- e) Buộc thôi việc.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội.

3. Thẩm quyền xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật đối với cán bộ, công chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

Điều 19. Áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Hình thức khiển trách áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm lần đầu phải bồi thường thiệt hại đến 5.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

2. Hình thức cảnh cáo áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật khiển trách nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

3. Hình thức hạ bậc lương áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

4. Hình thức hạ ngạch áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật hạ bậc lương nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

5. Hình thức cách chức áp dụng đối với cá nhân giữ chức vụ có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật hạ ngạch nhưng tiếp tục vi phạm.

6. Hình thức buộc thôi việc áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật nêu tại các khoản 4 và khoản 5 Điều này nhưng tái phạm, gây hậu quả lớn và xét thấy không

còn đủ điều kiện để tiếp tục làm việc hoặc các đối tượng vi phạm gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ 50.000.000 đồng trở lên/lần xét bồi thường.

Điều 20. Xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức được giao quản lý vốn, tài sản

1. Người đứng đầu đơn vị thuộc các cơ quan, tổ chức trực tiếp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo các hình thức quy định tại Điều 19 Nghị định này. Trường hợp người đứng đầu đơn vị không trực tiếp vi phạm nhưng để xảy ra lãng phí trong đơn vị thì phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra vi phạm và bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp cấp phó của người đứng đầu đơn vị không trực tiếp vi phạm nhưng để xảy ra lãng phí trong đơn vị thuộc những công việc, lĩnh vực được giao phụ trách thì phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra vi phạm như quy định đối với người đứng đầu.

3. Áp dụng hình thức kỷ luật:

a) Áp dụng hình thức khiển trách đối với người đứng đầu nếu trong đơn vị có cá nhân vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị áp dụng hình thức kỷ luật quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này;

b) Áp dụng hình thức cảnh cáo đối với người đứng đầu nếu trong đơn vị có cá nhân vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị áp dụng hình thức kỷ luật quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định này;

c) Áp dụng hình thức hạ bậc lương đối với người đứng đầu nếu trong đơn vị có cá nhân vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị áp dụng hình thức kỷ luật quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định này;

d) Áp dụng hình thức cách chức đối với người đứng đầu nếu trong đơn vị có cá nhân vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị áp dụng hình thức kỷ luật quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định này.

4. Trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức được loại trừ trong trường hợp họ không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi lãng phí.

Điều 21. Xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi lãng phí trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do cấp phó của mình trực tiếp phụ trách.

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi lãng phí trong lĩnh vực công tác được giao và trong đơn vị do mình trực tiếp phụ trách.

3. Hội đồng kỷ luật căn cứ vào trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu để xem xét, áp dụng các hình thức kỷ luật sau:

a) Áp dụng hình thức khiển trách đối với trường hợp trong lĩnh vực công tác được giao hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có cán bộ vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định này;

b) Áp dụng hình thức cảnh cáo đối với trường hợp trong lĩnh vực công tác được giao hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có cán bộ vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định này;

c) Áp dụng hình thức hạ bậc lương đối với trường hợp trong lĩnh vực công tác được giao hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có cán bộ vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại điểm d khoản 3 Điều 20;

d) Áp dụng hình thức cách chức đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cấp phó được giao trực tiếp phụ trách lĩnh vực công tác có cán bộ vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả nghiêm trọng.

4. Trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức được loại trừ trong trường hợp họ không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi lãng phí.

Điều 22. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình thức kỷ luật

1. Các tình tiết tăng nặng hình thức kỷ luật: cán bộ, công chức, viên chức bị tăng hình thức kỷ luật nêu tại các Điều 19, 20 và Điều 21 Nghị định này trong các trường hợp sau:

- a) Có hành vi che giấu vi phạm; trốn tránh, cản trở việc xử lý vi phạm;
- b) Vi phạm có tổ chức.

2. Các tình tiết giảm nhẹ hình thức kỷ luật: cán bộ, công chức, viên chức được xem xét giảm hình thức kỷ luật nêu tại các Điều 19, 20 và Điều 21 Nghị định này trong các trường hợp sau:

- a) Thành khẩn, có tinh thần hợp tác;
- b) Chủ động thực hiện các biện pháp để hạn chế thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra.

3. Việc tăng, giảm hình thức kỷ luật không làm thay đổi mức bồi thường thiệt hại đã được quyết định.

Điều 23. Hội đồng kỷ luật, quy trình, thủ tục xem xét xử lý kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật, quy trình, thủ tục xem xét xử lý kỷ luật và các quy định liên quan đến kỷ luật cán bộ công chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

2. Thành viên của Hội đồng bồi thường thiệt hại có thể đồng thời là thành viên Hội đồng kỷ luật.

Chương 3:

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mục 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 24. Đối tượng, nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 25. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực nào thì thực hiện theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực đó. Đối với các trường hợp pháp luật chưa có quy định cụ thể thì thời hiệu xử phạt là 02 năm kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện. Nếu quá thời hạn này thì không bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả và phải bồi thường thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án để chuyển sang xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt là 3 tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu cơ quan, tổ chức, cá nhân lại tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 26. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Mức tiền phạt tối đa đối với hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực nào thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành đối với lĩnh vực đó. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì mức tiền phạt tối đa là 100.000.000 đồng.

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi vi phạm đó. Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt được giảm xuống nhưng không thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt. Trường hợp có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể được tăng lên nhưng không vượt mức tối đa của khung tiền phạt.

2. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tiền, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên và đất đai;

b) Buộc thực hiện đúng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 27. Bồi thường thiệt hại

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nếu gây lãng phí thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Nghị định này.

Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nếu gây ra lãng phí thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành đã có quy định phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra.

2. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 33 Nghị định này có thẩm quyền xử lý, quyết định việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây ra.

Đối với trường hợp theo quy định của pháp luật chuyên ngành mà người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính không có thẩm quyền xử lý việc bồi thường thiệt hại thì trong vòng 03 ngày làm việc, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển quyết định xử phạt, hồ sơ vụ việc đến người có thẩm quyền xử lý, quyết định bồi thường thiệt hại để xử lý và quyết định việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại Nghị định này.

Mục 2: HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 28. Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện thiết bị làm việc, sử dụng điện nước gây lãng phí.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện thiết bị làm việc, sử dụng điện nước vượt quá tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành gây lãng phí.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sai mục đích, không đúng với nội dung chương trình đã được phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trùng lặp với các nguồn kinh phí khác gây lãng phí.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

b) Buộc thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 29. Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước gây lãng phí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong việc lập, thẩm định dự án đầu tư gây lãng phí.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong khảo sát, thiết kế xây dựng công trình gây lãng phí.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư gây lãng phí.
4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong cấp, thanh toán và quyết toán vốn cho dự án đầu tư gây lãng phí.
5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công lễ khánh thành công trình xây dựng gây lãng phí.
6. Phạt tiền với mức 0,1% giá trị khảo sát thiết kế nhưng không quá 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng công trình không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành gây lãng phí.

7. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng;
- b) Buộc thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 30. Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn chế độ trong sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cơ quan, tổ chức vi phạm các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc thực hiện đúng các quy định về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;
- b) Buộc thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 31. Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng vốn và các quỹ trong công ty nhà nước gây lãng phí.
2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi quyết định mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cố định, vật tư và các tài sản khác trong công ty nhà nước không đúng với quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản nhà nước, quản lý đầu tư xây dựng, vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, sử dụng các khoản chi phí trong công ty nhà nước không đúng định mức, đơn giá, tiêu chuẩn, chế độ quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc thực hiện đúng quy định về quản lý vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;
- b) Buộc thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 32. Áp dụng hình thức, mức xử phạt theo các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực có liên quan

Các hành vi vi phạm hành chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực khác mà theo pháp luật hiện hành đã quy định cụ thể hình thức, mức xử phạt thì việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo các quy định đó.

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực đất đai thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu khoa học mà chưa có quy định xử phạt tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học công nghệ.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực quản lý, đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, sử dụng và quản lý trụ sở làm việc mà chưa có quy định xử phạt tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý, sử dụng nhà.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên nước thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.
5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến việc chấp hành kỷ luật lao động thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong chấp hành pháp luật lao động.

Mục 3: THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT, THI HÀNH, CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

b) Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

2. Thẩm quyền xử phạt của lực lượng Thanh tra chuyên ngành:

a) Chánh thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

b) Chánh thanh tra chuyên ngành Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

3. Việc ủy quyền trong xử phạt vi phạm hành chính, nguyên tắc xác định, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 34. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 35. Cương chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.
2. Thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định về thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Mục 4: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BỊ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 36. Nguyên tắc, việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại và trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Nguyên tắc, việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại và trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 8 Nghị định này.

Điều 37. Thủ tục xử lý bồi thường thiệt hại

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (trong trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính), nếu thấy cần thiết, người có thẩm quyền xử lý bồi thường có thể thành lập Hội đồng tư vấn về bồi thường thiệt hại để xem xét, xác định việc bồi thường thiệt hại.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị về mức bồi thường thiệt hại của Hội đồng tư vấn, người có thẩm quyền quyết định xử lý bồi thường phải ra quyết định về bồi thường thiệt hại đối với đối tượng vi phạm hành chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
3. Trường hợp không thành lập Hội đồng tư vấn thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (trong trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính), người có thẩm quyền xử lý bồi thường phải ra quyết định về bồi thường thiệt hại đối với đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 38. Hội đồng tư vấn về bồi thường thiệt hại

1. Hội đồng tư vấn về bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này thành lập đồng thời làm Chủ tịch của Hội đồng.

Thành viên Hội đồng gồm: đại diện cơ quan tài chính cùng cấp nơi xảy ra hành vi vi phạm; đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm và đại diện cơ quan chuyên ngành về khoa học, kỹ thuật hoặc các chuyên ngành khác (nếu cần thiết).

Hội đồng tư vấn về bồi thường thiệt hại tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chi phí cho việc xác định mức bồi thường thiệt hại được tính vào chi phí khắc phục hậu quả.

2. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng tư vấn về bồi thường thiệt hại phải có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại. Trường hợp vụ việc phức tạp thì chậm nhất không quá 90 ngày, kể từ ngày thành lập, Hội đồng tư vấn phải có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

Điều 39. Chấp hành Quyết định về bồi thường thiệt hại

1. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ bồi thường một lần trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định về bồi thường thiệt hại của người có thẩm quyền.
2. Trường hợp cá nhân vi phạm mà phải bồi thường số tiền lớn, không thể nộp ngay một lần thì sau khi trừ đi số đã nộp ngay lần đầu, số tiền còn lại được trả dần trong thời gian 12 tháng.

Điều 40. Giảm tiền bồi thường, tạm hoãn thực hiện bồi thường.

Người gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại là cá nhân được xem xét giảm, tạm hoãn thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 41. Cường chế thi hành quyết định về bồi thường thiệt hại

Thủ tục chấp hành, cường chế thi hành quyết định về bồi thường thiệt hại thực hiện như quy định của pháp luật về thủ tục chấp hành, cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hiện hành.

Chương 4:

KHEN THƯỞNG, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ KHỞI KIỆN

Điều 42. Khen thưởng

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc phát hiện, tố cáo, giải quyết bồi thường, xử lý kỷ luật và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được khen thưởng theo quy định của pháp luật về khen thưởng.

Điều 43. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện

1. Cá nhân, tổ chức bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính có quyền khiếu nại về quyết định xử lý kỷ luật, quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Cá nhân phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có quyền tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời ngăn chặn và xử lý theo quy định.

Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Chương 5:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 45. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Website Chính phủ, Ban Điều hành 112,
Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng